

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

GIÁI ĐOẠN TỪ NGÀY 01/01/2012 ĐẾN 31/03/2012

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ
VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG**

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2012

Đơn vị tính: Việt Nam đồng (VND)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/03/2012	01/01/2012
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		308,042,694,914	302,066,801,356
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4.1	15,097,051,734	18,203,202,481
1. Tiền	111		15,097,051,734	18,203,202,481
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	4.2	84,741,049,701	101,982,091,612
1. Phải thu khách hàng	131		76,920,865,288	97,212,882,634
2. Trả trước cho người bán	132		6,583,459,251	5,084,448,617
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135		5,898,163,296	4,046,198,495
6. Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(4,661,438,134)	(4,361,438,134)
IV. Hàng tồn kho	140	4.3	197,478,431,424	174,538,841,067
1. Hàng tồn kho	141		197,478,431,424	174,538,841,067
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150	4.4	10,726,162,055	7,342,666,196
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		348,387,304	286,666,944
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		3,122,796,480	3,956,031,865
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		515,938,807	2,873,872
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		6,739,039,464	3,097,093,515

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2012
Đơn vị tính: Việt Nam đồng (VND)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/03/2012	01/01/2012
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		135,687,363,268	142,588,097,176
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		124,050,007,294	129,565,292,163
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.5	109,457,877,863	114,030,781,178
- Nguyên giá	222		197,045,542,598	196,647,369,870
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(87,587,664,735)	(82,616,588,692)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	4.6	11,571,469,948	12,589,962,722
- Nguyên giá	225		28,518,123,713	28,518,123,713
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(16,946,653,765)	(15,928,160,991)
3. Tài sản cố định vô hình	227	4.7	2,154,280,996	2,181,804,082
- Nguyên giá	228		2,399,422,172	2,399,422,172
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(245,141,176)	(217,618,090)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	4.8	866,378,487	762,744,181
III. Bất động sản đầu tư	240		802,108,000	802,108,000
- Nguyên giá	241		802,108,000	802,108,000
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		260,000,000	260,000,000
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	4.9	260,000,000	260,000,000
3. Đầu tư dài hạn khác	258		-	-
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260	4.10	10,575,247,974	11,960,697,013
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		2,182,692,103	2,149,046,430
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		5,940,737,165	7,359,831,877
3. Tài sản dài hạn khác	268		2,451,818,706	2,451,818,706
VI. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		443,730,058,182	444,654,898,532

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2012
Đơn vị tính: Việt Nam đồng (VND)

NGUỒN VỐN		Mã số	Thuyết minh	31/03/2012	01/01/2012
A.	NỢ PHẢI TRẢ	300		283,580,257,108	289,130,164,083
I.	Nợ ngắn hạn	310		221,043,197,376	219,922,373,434
1.	Vay và nợ ngắn hạn	311	4.12	46,418,715,774	51,862,047,035
2.	Phải trả người bán	312	4.11	35,334,935,237	40,231,142,620
3.	Người mua trả tiền trước	313	4.11	65,069,331,625	49,399,953,372
4.	Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	314	4.13	4,450,878,339	6,202,076,475
5.	Phải trả người lao động	315	4.11	2,692,631,078	2,670,316,984
6.	Chi phí phải trả	316	4.11	30,280,018,082	30,169,387,153
7.	Phải trả nội bộ	317		-	-
8.	Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9.	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	4.11	30,221,791,613	30,579,244,484
10.	Dự phòng phải trả ngắn hạn	320	4.11	2,904,990,410	2,922,857,293
11.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	4.11	3,669,905,218	5,885,348,018
II.	Nợ dài hạn	330		62,537,059,732	69,207,790,649
1.	Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2.	Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3.	Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4.	Vay và nợ dài hạn	334	4.12	62,518,097,940	69,188,094,607
5.	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6.	Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		18,961,792	19,696,042
7.	Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8.	Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9.	Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B.	NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		152,385,676,132	147,489,395,873
I.	Vốn chủ sở hữu	410	4.14	152,385,676,132	147,489,395,873
1.	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		80,000,000,000	80,000,000,000
2.	Thặng dư vốn cổ phần	412		10,700,000,000	10,700,000,000
3.	Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4.	Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5.	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6.	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7.	Quỹ đầu tư phát triển	417		32,078,300,748	32,078,300,748
8.	Quỹ dự phòng tài chính	418		5,424,263,472	5,424,263,472
9.	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		24,183,111,912	19,286,831,653

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2012

Đơn vị tính: Việt Nam đồng (VND)

11.	Nguồn vốn đầu tư XD CB	421		-	-
II.	Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1.	Nguồn kinh phí	432		-	-
2.	Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
C	LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439	4.15	7,764,124,942	8,035,338,576
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		440		443,730,058,182	444,654,898,532

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/03/2012	01/01/2012
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại		-	-
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Ngày 11 tháng 05 năm 2012

Kế toán trưởng



Nguyễn Hoàng Sơn

Tổng Giám đốc



Trần Hoàng Huân

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2012 đến ngày 31/03/2012

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

CHỈ TIÊU		Mã số	Thuyết minh	Quý I		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
				Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1		2	3	4	5	6	7
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.1	58,421,089,860	86,142,230,666	58,421,089,860	86,142,230,666
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02	5.1	-	759,351,291	-	759,351,291
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	5.1	58,421,089,860	85,382,879,375	58,421,089,860	85,382,879,375
4.	Giá vốn hàng bán	11		44,272,280,475	62,945,514,152	44,272,280,475	62,945,514,152
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		14,148,809,385	22,437,365,223	14,148,809,385	22,437,365,223
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.2	295,034,544	690,747,829	295,034,544	690,747,829
7.	Chi phí tài chính	22	5.3	3,044,888,151	3,782,176,235	3,044,888,151	3,782,176,235
	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>3,044,888,151</i>	<i>3,782,176,235</i>	<i>3,044,888,151</i>	<i>3,782,176,235</i>
8.	Chi phí bán hàng	24	5.4	7,341,953,676	7,225,756,819	7,341,953,676	7,225,756,819
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	5.5	4,021,500,102	5,158,289,256	4,021,500,102	5,158,289,256
10.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		35,502,000	6,961,890,742	35,502,000	6,961,890,742
11.	Thu nhập khác	31	5.6	1,701,084,331	16,711,636	1,701,084,331	16,711,636
12.	Chi phí khác	32	5.7	54,171,119	269,534,826	54,171,119	269,534,826
13.	Lợi nhuận khác	40		1,646,913,212	(252,823,190)	1,646,913,212	(252,823,190)
14.	Lợi nhuận trong Công ty liên kết, liên doanh	45		-		-	-
15.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		1,682,415,212	6,709,067,552	1,682,415,212	6,709,067,552
16.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		560,220,585	793,448,272	560,220,585	793,448,272

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG
BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2012 đến ngày 31/03/2012

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

17.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		(137,341,207)	824,477,599	(137,341,207)	824,477,599
18.	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		1,259,535,834	5,091,141,681	1,259,535,834	5,091,141,681
	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		(270,721,418)	127,801,440	(270,721,418)	127,801,440
	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	62		1,530,257,252	4,963,340,241	1,530,257,252	4,963,340,241
19.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	60	4.17	191	636	191	636

Ngày 11 tháng 05 năm 2012

Kế toán trưởng

Nguyễn Hoàng Sơn

Tổng Giám đốc



Trần Hoàng Huân

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2012 đến ngày 31/03/2012

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

CHỈ TIÊU		Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
				Năm nay	Năm trước
1		2	3	4	5
I.	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1.	<i>Lợi nhuận trước thuế</i>	01		1,682,415,212	6,709,067,552
2.	<i>Điều chỉnh cho các khoản</i>				
-	Khấu hao tài sản cố định	02		6,017,091,903	4,877,788,756
-	Các khoản dự phòng	03		863,976,202	445,437,260
-	Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-	
-	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(587,151,542)	(34,999,438)
-	Chi phí lãi vay	06		2,935,277,129	3,782,176,235
3.	<i>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	08		10,911,608,904	15,779,470,365
-	Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(40,600,134,569)	31,296,167,517
-	Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(9,325,680,192)	(55,517,598,065)
-	Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11		58,274,777,404	13,445,943,329
-	Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(95,366,033)	(726,062,059)
-	Tiền lãi vay đã trả	13		(3,172,030,687)	(4,023,013,417)
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		1,303,859,602	(12,320,737)
-	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		(1,237,238,777)	(3,458,075,521)
-	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(4,026,158,434)	127,801,439
	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20		12,033,637,218	(3,087,687,149)
II.	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(501,807,034)	(2,263,989,152)
2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		954,545,455	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2012 đến ngày 31/03/2012

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

3.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	-
4.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	-
5.	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
6.	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
7.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	(3,547,848,458)	116,469,474
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(3,095,110,037)	(2,147,519,678)
III.	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
3.	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	35,218,943,144	69,658,657,162
4.	Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(46,782,221,072)	(53,247,541,395)
5.	Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	(481,400,000)	(490,000,000)
6.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	(2,400,000,000)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(12,044,677,928)	13,521,115,767
	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(3,106,150,747)	8,285,908,940
	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	18,203,202,481	34,918,129,457
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	15,097,051,734	43,204,038,397

Ngày 11 tháng 05 năm 2012

Kế toán trưởng


 Nguyễn Hoàng Sơn

Tổng Giám đốc



 Trần Hoàng Huân

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2012 đến ngày 31/03/2012

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang, tên viết tắt là TICCO (gọi tắt là “Công ty”), được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 5303000020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tiền Giang cấp lần đầu ngày 02/01/2004 và chứng nhận thay đổi lần thứ chín ngày 30/12/2011.

Vốn điều lệ: 80.000.000.000 đồng tương đương 8.000.000 cổ phần

Trụ sở đặt tại số 90 Đinh Bộ Lĩnh, phường 9, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

Công ty có 03 (ba) đơn vị hạch toán phụ thuộc là:

- Xí nghiệp Cơ khí sửa chữa, trụ sở đặt tại 90 Đinh Bộ Lĩnh, phường 9, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang
- Xí nghiệp kinh doanh Vật liệu xây dựng Ticco, trụ sở đặt tại 90 Đinh Bộ Lĩnh, phường 9, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang
- Sàn giao dịch Bất động sản Ticco, trụ sở đặt tại 166 Ấp Bắc, phường 4, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

1.2 Danh sách các công ty con được hợp nhất báo cáo tài chính

<i>Tên công ty</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Vốn góp</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích (%)</i>	<i>Quyền biểu quyết (%)</i>
Công ty TNHH MTV Bê Tông Ticco	Lô số 1; 2; 3; 4; 5; 6, Khu Công nghiệp Mỹ Tho, xã Trung An, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang	38.000.000.000	100%	100%
Công ty TNHH MTV Xây Dựng Ticco	90 Đinh Bộ Lĩnh, phường 9, Thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang	20.000.000.000	100%	100%
Công ty Cổ phần Đầu Tư Và Xây Dựng Ticco An	Số 3 Lê Lợi, phường Mỹ Bình, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang	12.410.245.695	62,05%	62,05%

1.3 Công ty liên kết được tổng hợp quyền lợi vào báo cáo tài chính hợp nhất

<i>Tên công ty liên kết</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Quyền biểu quyết của công ty mẹ</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích của công ty mẹ</i>
Công ty Cổ phần Testco	Khu Công nghiệp Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang	20%	20%

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2012 đến ngày 31/03/2012

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

1.4 Ngành nghề hoạt động

Thi công các công trình thủy lợi: trạm bơm, cống, đập, đê, kè sông, kè biển các loại, hồ chứa nước và nạo vét rạch, kênh mương; Thi công xây dựng các công trình dân dụng; Thi công xây dựng các công trình công nghiệp; Thi công các công trình giao thông: cầu giao thông, cầu cảng, đường giao thông các loại, hệ thống cấp thoát nước; San lấp mặt bằng; Trung đại tu thiết bị, sửa chữa và đóng mới xà lan; Gia công các sản phẩm cơ khí, cửa cổng công trình thủy lợi; Sản xuất và kinh doanh bê tông tươi và các sản phẩm bê tông đúc sẵn; Kinh doanh bất động sản; Kinh doanh vật liệu xây dựng; Kinh doanh cát san lấp; Khai thác vận tải; Đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng: khu công nghiệp, khu dân cư, đường giao thông; Lập dự án các công trình xây dựng, giao thông, thủy lợi; Khảo sát thiết kế các công trình xây dựng, giao thông, thủy lợi; Tư vấn đầu thầu, giám sát; Môi giới bất động sản; Định giá bất động sản; Tư vấn bất động sản; Quảng cáo bất động sản; Đấu giá bất động sản; Quản lý bất động sản; Sản xuất các sản phẩm bằng vật liệu composite; Kinh doanh các sản phẩm bằng vật liệu composite; Thiết kế, sản xuất, chế tạo thiết bị nâng; Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét và cao lanh (doanh nghiệp tuân thủ theo qui định của pháp luật về khoáng sản trong quá trình hoạt động).

2. CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

2.1 Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

2.2 Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ Kế toán Việt Nam theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài Chính và thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài Chính.

Năm tài chính bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ chính thức sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

Hình thức sổ kế toán: chứng từ ghi sổ.

2.3 Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang (công ty mẹ) và các công ty con tại ngày 31/03/2012.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày công ty mẹ thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày công ty mẹ thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2012 đến ngày 31/03/2012

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Các báo cáo tài chính của các công ty mẹ và công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán, và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng Công ty, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của các cổ đông thiểu số là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và được trình bày riêng biệt với phần vốn chủ sở hữu của các cổ đông của công ty mẹ trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn thời hạn thu hồi không quá 3 tháng, khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.3 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến, và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho mua ngoài bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

3.4 Các khoản phải thu và dự phòng phải thu khó đòi

Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2012 đến ngày 31/03/2012

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm được phân loại là Tài sản ngắn hạn.
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm được phân loại là Tài sản dài hạn.

Dự phòng phải thu khó đòi của Công ty được trích lập theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009. Theo đó, Công ty được phép lập dự phòng khoản thu khó đòi cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

3.5 Tài sản cố định hữu hình

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng, thời gian khấu hao được ước tính như sau:

	Năm sử dụng
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 25
Máy móc thiết bị	05 – 12
Phương tiện vận tải	06 – 10
Thiết bị và dụng cụ quản lý	03 – 06

3.6 Tài sản cố định thuê tài chính

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê.

Công ty ghi nhận tài sản thuê tài chính là tài sản của Công ty theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê. Nợ phải trả bên cho thuê tương ứng được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán như một khoản nợ phải trả về thuê tài chính. Các khoản thanh toán tiền thuê được chia thành chi phí tài chính và khoản phải trả nợ gốc nhằm đảm bảo tỷ lệ lãi suất định kỳ cố định trên số dư nợ còn lại. Chi phí thuê tài chính được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Các tài sản đi thuê tài chính được khấu hao trên thời gian hữu dụng ước tính tương tự như áp dụng với tài sản thuộc sở hữu của Công ty.

3.7 Tài sản cố định vô hình

Giá trị ban đầu của tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, sau khi ghi nhận ban đầu, trong quá trình sử dụng, TSCĐ vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, khấu hao lũy kế và giá trị còn lại.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào sử dụng theo dự tính.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2012 đến ngày 31/03/2012

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí đo đạc, lệ phí trước bạ,... Quyền sử dụng đất được khấu hao như sau:

<i>Quyền sử dụng (QSD) đất</i>	<i>Thời gian khấu hao</i>
QSD 600 m ² đất tại Thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang	Không khấu hao (QSD đất lâu dài)
QSD 1.429,90 m ² đất tại Thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang	440 tháng (từ tháng 8 năm 2010 đến tháng 3 năm 2047)
QSD 8.436,20 m ² đất tại Thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang	39 tháng (từ tháng 8 năm 2010 đến tháng 10 năm 2013)

3.8 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất do công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Bất động sản đầu tư của Công ty bao gồm quyền sử dụng đất lâu dài tại Quang Trung – Cái Cui, phường Phú Thới, quận Cái Răng, Thành phố Cần Thơ, diện tích 125,5 m² và 103,5 m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00462 và 00463 do Ủy ban Nhân dân Thành phố Cần Thơ cấp ngày 30/11/2004.

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất lâu dài không tính khấu hao.

3.9 Hợp nhất kinh doanh và bất lợi thương mại

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh đều ghi nhận theo giá trị ghi sổ tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Bất lợi thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị ghi sổ của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận tại ngày mua theo Quyết định chấp thuận của Hội đồng Quản trị Công ty, và được kết chuyển một lần vào kết quả hoạt động trong năm phát sinh.

3.10 Ghi nhận các khoản đầu tư tài chính dài hạn

Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết và các khoản đầu tư khác được ghi nhận theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2012 đến ngày 31/03/2012

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Phân loại các khoản đầu tư

Nắm giữ trên 50% quyền biểu quyết trong vốn chủ sở hữu của bên nhận đầu tư thì ghi nhận vào khoản đầu tư vào công ty con;

Nắm giữ từ 20% đến dưới 50% quyền biểu quyết trong vốn chủ sở hữu của bên nhận đầu tư thì ghi nhận vào khoản đầu tư vào công ty liên kết;

Nắm giữ dưới 20% quyền biểu quyết trong vốn chủ sở hữu của bên nhận đầu tư thì ghi nhận vào khoản đầu tư dài hạn khác.

3.11 Ghi nhận chi phí trả trước

Chi phí trả trước có thời hạn trong 12 tháng hoặc chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn. Chi phí trả trước ngắn hạn được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

Các khoản chi phí trả trước dài hạn bao gồm công cụ dụng cụ có giá trị lớn đã xuất dùng trong năm tài chính, chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định phát sinh một lần quá lớn được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng ba năm theo các quy định kế toán hiện hành.

3.12 Ghi nhận các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới một (1) năm (hoặc trong 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là nợ ngắn hạn.
- Có thời hạn thanh toán trên một (1) năm (hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là nợ dài hạn.

3.13 Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp

Công ty trích bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp như sau:

- Bảo hiểm xã hội được trích trên tiền lương cơ bản theo hợp đồng lao động, hạch toán vào chi phí hoạt động là 16% và trừ lương cán bộ công nhân viên 6%.
- Bảo hiểm y tế được trích trên lương cơ bản theo hợp đồng lao động, hạch toán vào chi phí hoạt động là 3% và trừ lương cán bộ công nhân viên 1,5%.
- Bảo hiểm thất nghiệp được trích trên lương cơ bản theo hợp đồng lao động, hạch toán vào chi phí hoạt động là 1% và trừ lương cán bộ công nhân viên 1%.

Theo luật Bảo hiểm xã hội và Bảo hiểm y tế, mức đóng bởi mỗi bên được tính bằng tỷ lệ như đã nêu trên của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của nhân viên hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ quy định trong từng thời kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2012 đến ngày 31/03/2012

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

3.14 Ghi nhận chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

3.15 Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

Được ghi nhận khi kết quả giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hợp đồng xây dựng

Doanh thu được xác định khi Công ty xuất hóa đơn cho khách hàng theo 2 trường hợp:

- Khi có biên bản nghiệm thu hoàn thành và được khách hàng xác nhận cho từng giai đoạn của hợp đồng xây dựng;
- Căn cứ vào khối lượng công việc thực hiện hoàn thành theo tiến độ hợp đồng xây dựng.

Doanh thu hoạt động tài chính: được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2012 đến ngày 31/03/2012

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

3.16 Nguyên tắc ghi nhận giá vốn chuyển quyền sử dụng đất Khu dân cư Long Thạnh Hưng và Khu dân cư đường Trương Định nổi dài

Giá vốn 1 m² đất chuyển nhượng tại Khu dân cư Long Thạnh Hưng được xác định theo giá ước tính bằng cách lấy tổng giá trị đầu tư ước tính bình quân của toàn bộ công trình Khu dân cư Long Thạnh Hưng chia cho tổng diện tích đất thương phẩm của Khu dân cư Long Thạnh Hưng, trong đó:

- Tổng giá trị đầu tư bình quân của công trình Khu dân cư Long Thạnh Hưng được ước tính dựa trên đơn giá trúng thầu và các quyết định phê duyệt dự án. Tổng mức đầu tư ước tính của dự án đến thời điểm 31/03/2012 là 107.754.098.914 đồng, trong đó chi phí thực chi đến 31/03/2012 là 89.811.232.891 đồng.

Tổng diện tích đất thương phẩm là 124.492 m²;

$$\text{Giá vốn 1 m}^2 \text{ đất chuyển nhượng} = \frac{107.754.098.914 \text{ đồng}}{124.492 \text{ m}^2} = 866.000 \text{ đồng/ m}^2$$

Tổng diện tích đất đã chuyển nhượng trong quý I năm 2012 là 250 m².

- Tổng giá trị đầu tư bình quân của công trình Khu dân cư đường Trương Định nổi dài được ước tính dựa trên đơn giá trúng thầu và các quyết định phê duyệt dự án. Tổng mức đầu tư ước tính của dự án đến thời điểm 31/03/2012 là 131.678.690.799 đồng, trong đó chi phí thực chi đến 31/03/2012 là 88.596.563.628 đồng.

Tổng diện tích đất thương phẩm là 71.474 m²;

$$\text{Giá vốn 1 m}^2 \text{ đất chuyển nhượng} = \frac{131.678.690.799 \text{ đồng}}{71.474 \text{ m}^2} = 1.842.330 \text{ đồng/ m}^2$$

Tổng diện tích đất đã chuyển nhượng trong quý I năm 2012 là 900 m².

3.17 Thuế

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất là 25%.

Ngoài ra Công ty được hưởng các ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp sau:

- Đối với dự án đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất cấu kiện bê tông đúc sẵn, thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20% trên thu nhập chịu thuế trong 10 năm kể từ khi dự án bắt đầu hoạt động kinh doanh và bằng 25% trong những năm tiếp theo.
- Đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty TNHH Một thành viên Xây dựng Ticco, Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 02 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và được giảm 50% số thuế phải nộp cho 02 năm tiếp theo. Năm 2010 là năm thứ hai Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp.
- Công ty TNHH Một thành viên Bê tông Ticco được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 03 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và được giảm 50% số thuế phải nộp trong 07 năm tiếp theo đối với dự án đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất cấu kiện bê tông đúc sẵn. Năm 2010 là năm thứ ba Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2012 đến ngày 31/03/2012

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm với thuế suất áp dụng tại ngày kết thúc năm tài chính. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán do điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản, nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm. Tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/03/2012	01/01/2012
Tiền mặt tại quỹ	275.939.611	103.591.005
Tiền gửi ngân hàng	14.821.112.123	18.099.611.476
Tiền đang chuyển	-	-
Các khoản tương đương tiền	-	-
Cộng	15.097.051.734	18.203.202.481

4.2 Các khoản phải thu ngắn hạn

	31/03/2012	01/01/2012
Phải thu khách hàng	76.920.865.288 (a)	97.212.882.634
Trả trước cho người bán	6.583.459.251 (b)	5.084.448.617
Các khoản phải thu khác	5.898.163.296 (c)	4.046.198.495
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	(4.661.438.134) (d)	(4.361.438.134)
Giá trị thuần của các khoản phải thu	84.741.049.701	101.982.091.612

(a) Bao gồm các khoản phải thu thương mại phát sinh trong điều kiện kinh doanh bình thường của Công ty, được chi tiết như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2012 đến ngày 31/03/2012

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

	31/03/2012	01/01/2012
	VND	VND
Phải thu khách hàng chuyển nhượng quyền sử dụng đất	9.683.208.178	10.605.134.078
Phải thu khách hàng thi công công trình, bán bê tông thương phẩm và bán vật liệu xây dựng	67.237.657.110	86.607.748.556
Cộng	76.920.865.288	97.212.882.634

(b) Chủ yếu là các khoản trả trước cho các người bán sau:

	31/03/2012	01/01/2012
	VND	VND
Công ty SAGEL	115.496.500	115.496.500
Ông Trần Minh Hiếu	26.500.000	137.661.840
Ban bồi thường hỗ trợ & Tái định cư thị xã Gò Công	830.000.000	830.000.000
Xí nghiệp tư vấn thiết kế Công ty CP Địa Ốc Tân Bình	165.588.000	165.588.000
Công ty cấp thoát nước Tiền Giang	345.360.879	345.360.879
Công ty cáp điện Tài Trùng Thành	157.139.301	-
Trung tâm phát triển quỹ đất huyện Châu Thành	208.000.000	-
Công ty TNHH MTV SX Suối Tiên	107.500.000	107.500.000
Đoạn quản lý đường sông số 13	200.000.000	100.000.000
Công ty Cổ phần Xây dựng Thủy lợi Cà Mau	2.113.230.000	2.113.230.000
Doanh nghiệp tư nhân Lý Công Danh	430.000.000	270.000.000

(c) Chủ yếu là các khoản phải thu khác sau:

	31/03/2012	01/01/2012
	VND	VND
Phải thu ông Huỳnh Phú Gia – Tiền góp vốn hộ vào Công ty CP Đầu tư Xây dựng Ticcó An Giang	2.109.099.007	2.109.099.007
Lương chi vượt của các công ty con sẽ được trừ vào quỹ lương năm 2012	2.425.652.108	982.016.401

(d) Chủ yếu dự phòng các khoản phải thu khó đòi sau:

	31/03/2012	01/01/2012
	VND	VND
Công ty CP ĐT & XD 40	368.611.375	368.611.375

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2012 đến ngày 31/03/2012

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Công ty CP XDGT Thủy lợi Kiên Giang	925.883.360	925.883.360
Công ty SAGEL (phí thiết kế công trình Mỹ Thanh Hưng)	115.496.500	115.496.500
DNTN Đặng Tài	140.239.999	140.239.999
Công ty TNHH Nam Trường Sanh	441.603.086	441.603.086
Các khoản phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm	180.422.555	180.422.555
Các khoản phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm	1.192.654.559	1.192.654.559
Các khoản phải thu quá hạn trên 03 năm	786.567.700	786.567.700

4.3 Hàng tồn kho

	31/03/2012	01/01/2012
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	10.072.590.839	10.607.177.272
Công cụ, dụng cụ	3.327.283.780	3.327.188.780
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	172.026.490.387 (a)	146.597.232.883
Thành phẩm	10.916.753.495 (b)	13.258.155.469
Hàng hoá	1.135.312.923 (c)	749.086.663
Cộng	197.478.431.424	174.538.841.067
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(-)	(-)
Giá trị thuần của hàng tồn kho	197.478.431.424	174.538.841.067

(a) Là giá trị của các công trình xây dựng đang dở dang, chủ yếu các công trình sau:

	31/03/2012	01/01/2012
	VND	VND
Công trình khu dân cư đường Trương Định nối dài	83.133.929.036	79.522.963.051
Công trình khu dân cư Long Thanh Hưng	33.454.617.667	33.461.474.867
Công trình hồ chứa nước Cù Chi	3.834.738.218	3.834.738.218
Công trình hồ chứa nước Sông Ray	906.690.062	1.696.485.835
Gia công, sửa chữa của Xí nghiệp Cơ Khí	1.888.697.824	1.923.160.850
Công trình Cống Bình Lợi	1.429.085.129	1.429.085.129
Công trình cống Vàm Răng	3.576.914.710	2.635.340.751
Công trình Khu nhà vườn huyện Tân Phước	2.621.593.000	2.621.593.000
Công trình đê Long Hữu	1.007.152.642	212.577.255

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2012 đến ngày 31/03/2012

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Công trình ụ né bão Vàm Láng	2.652.916.919	1.938.569.713
Công trình biệt thự mẫu khu dân cư Long Thạnh Hưng	1.454.246.476	1.454.246.476
Công trình Cống Tân An	11.040.136.118	6.840.382.770
Công trình Kè Hiệp Thạnh – GD2	3.861.861.836	3.492.652.138

(b) Thành phẩm bao gồm:

	31/03/2012	01/01/2012
	VND	VND
Bó vỉa, hố ga	75.080.937	100.516.717
Cống hộp	57.663.643	23.620.598
Cọc ống	4.547.552.506	6.961.838.300
Cọc vuông	1.199.658.935	1.331.731.645
Cọc ván	1.200.864.687	815.358.138
Gối cống	752.944.756	750.519.038
Ống cống các loại	3.082.988.031	3.274.571.033
Tổng cộng	10.916.753.495	13.258.155.469

(c) Hàng hóa bao gồm:

	31/03/2012	01/01/2012
	VND	VND
Xi măng, cát , đá	1.053.616.815	667.703.328
Joint cao su	81.696.108	81.383.335
Cộng	1.135.312.923	749.086.663

4.4 Tài sản ngắn hạn khác

	31/03/2012	01/01/2012
	VND	VND
Tài sản thiếu chờ xử lý	41.000.000	41.000.000
Tạm ứng công nhân viên	6.698.039.464	3.056.093.515
Ký cược, ký quỹ ngắn hạn	-	-
Cộng	6.739.039.464	3.097.093.515

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2012 đến ngày 31/03/2012

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

4.5 Tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá					
Số dư đầu kỳ	29.795.306.958	122.604.225.668	42.855.193.107	1.392.644.137	196.647.369.870
Tăng trong kỳ	-	-	-	398.172.728	398.172.728
- Mua sắm	-	-	-	398.172.728	398.172.728
- XDCB	-	-	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	29.795.306.958	122.604.225.668	42.855.193.107	1.790.816.865	197.045.542.598
Hao mòn lũy kế					
Số dư đầu kỳ	5.162.002.498	57.868.972.565	18.957.819.741	627.793.888	82.616.588.692
Tăng trong kỳ	416.744.983	3.632.543.107	855.616.818	66.171.135	4.086.497.072
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	5.578.747.481	61.501.515.672	19.813.436.559	693.965.023	87.587.664.735
Giá trị còn lại					
Số dư đầu kỳ	24.633.304.460	64.735.253.104	23.897.373.365	764.850.249	114.030.781.178
Số dư cuối kỳ	24.216.559.477	61.102.709.996	23.041.756.548	1.096.851.842	109.457.877.863

Trong đó: Công ty đã thế chấp tài sản để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngân hàng như sau:

- Thế chấp bằng tài sản theo hợp đồng thế chấp tài sản số 03/2010/HĐ ngày 04/11/2010, tài sản thế chấp theo giá trị định giá của Ngân hàng là 2.496.610.454 đồng;
- Thế chấp bằng tài sản theo hợp đồng thế chấp tài sản số 03/2011/HĐ ngày 28/03/2011;
- Thế chấp tài sản theo hợp đồng thế chấp tài sản số 03/2011/HĐ ngày 31/08/2011;
- Nguyên giá TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng 1.467.843.716 đồng.

4.6 Tài sản cố định thuê tài chính (Máy móc thiết bị - dây chuyền sản xuất ống công)

Khoản mục	Số dư đầu kỳ	Tăng	Giảm	Số dư cuối kỳ
Nguyên giá	28.518.123.713	-	-	28.518.123.713
Hao mòn lũy kế	15.928.160.991	1.018.492.774		16.946.653.765
Giá trị còn lại	12.589.962.722			11.571.469.948

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2012 đến ngày 31/03/2012

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

4.7 Tài sản cố định vô hình (Quyền sử dụng đất)

Khoản mục	Số dư đầu kỳ	Tăng	Giảm	Số dư cuối kỳ
Nguyên giá	2.399.422.172	-	-	2.399.422.172
Hao mòn lũy kế	217.618.090	13.761.543		231.379.633
Giá trị còn lại	2.181.804.082			2.168.042.539

4.8 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/03/2012	01/01/2012
	VND	VND
Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định	714.404.910	610.770.604
Chi phí mua sắm tài sản cố định	151.973.577	151.973.577
Cộng	866.378.487	762.744.181

4.9 Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	31/03/2012	01/01/2012
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	260.000.000	260.000.000
Cộng	260.000.000	260.000.000

Vốn đầu tư vào Công ty Cổ phần Testco, với tỷ lệ sở hữu 20%.

4.10 Tài sản dài hạn khác

	31/03/2012	01/01/2012
Chi phí trả trước dài hạn	2.182.692.103 (a)	2.149.046.430
Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	5.940.737.165 (b)	7.359.831.877
Tài sản dài hạn khác	2.451.818.706 (c)	2.451.818.706
Cộng	10.575.247.974	11.960.697.013

(a) Là giá trị công cụ dụng cụ và chi phí sửa chữa tài sản còn chờ phân bổ.

(b) Chi tiết như sau:

	Kỳ này	Năm trước
Số dư đầu kỳ	7.359.831.877	6.322.293.331
Chuyển sang vốn chủ sở hữu trong năm	(1.753.577.169)	16.006.537
Chuyển sang lợi nhuận trong năm	334.482.457	1.021.532.009
Số dư cuối kỳ	5.940.737.165	7.359.831.877

(c) Là khoản ký quỹ bảo lãnh thi công.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2012 đến ngày 31/03/2012

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

4.11 Nợ ngắn hạn

	31/03/2012	01/01/2012
Phải trả người bán	35.334.935.237	40.231.142.620
Người mua trả tiền trước	65.069.331.625	49.399.953.372
Phải trả người lao động	2.692.631.078	2.670.316.984
Chi phí phải trả	30.280.018.082 (a)	30.169.387.153
Phải trả, phải nộp khác	30.221.791.613 (b)	30.579.244.484
Dự phòng phải trả ngắn hạn	2.904.990.410 (c)	2.922.857.293
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	3.669.905.218 (d)	5.885.348.018
Cộng	170.173.603.263	161.858.249.924

(a) Chủ yếu khoản trích trước giá vốn hàng bán theo dự toán thi công cho dự án Khu dân cư Long Thạnh Hưng và Khu dân cư Trương Định giai đoạn 2.

(b) Các khoản phải trả khác chủ yếu bao gồm:

	31/03/2012	01/01/2012
	VND	VND
Công ty Phát triển Hạ tầng Khu Công Nghiệp	4.251.265.027	4.251.265.027
Giá trị QSDĐ của các cá nhân để hoán đổi với Khu dân cư đường Trương Định nối dài	21.229.610.470	21.149.037.970
Phải trả về Cổ phần hóa	3.647.227.047	3.641.567.047
Kinh phí công đoàn	53.620.333	135.355.104
Ông Huỳnh Phú Gia	300.000.000	300.000.000
Ông Nguyễn Văn Út	85.838.650	541.790.749

(c) Là khoản trích dự phòng bảo hành công trình.

(d) Quỹ khen thưởng phúc lợi được phản ánh như sau:

	Kỳ này	Năm trước
	VND	VND
Số dư đầu năm	5.885.348.018	12.296.734.378
Tăng trong năm	-	156.329.934
Giảm trong năm	(2.215.442.800)	(6.567.716.294)
Số dư cuối năm	3.669.905.218	5.885.348.018

4.12 Các khoản nợ vay

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2012 đến ngày 31/03/2012

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

	31/03/2012		01/01/2012
Vay ngắn hạn	46.418.715.774	(a)	51.862.047.035
Vay dài hạn	59.933.697.940	(b)	66.122.294.607
Nợ dài hạn	2.584.400.000	(c)	3.065.800.000
Cộng	108.936.813.714		121.050.141.642

(a) Vay ngắn hạn thể hiện khoản vay từ các tổ chức tín dụng bao gồm các khoản vay sau đây:

Người cho vay	Số dư cuối VND	Hợp đồng hạn mức vay	Mục đích mục vay	Lãi suất %/năm
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Tiền Giang	44.996.404.977	01/2011/HĐ	Bổ sung vốn lưu động kinh doanh bê tông thương phẩm, bê tông đúc sẵn và thi công công trình	Quy định cụ thể trên từng giấy nhận nợ
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Tiền Giang	865.167.000	01/2010/HĐ	Bổ sung vốn lưu động thi công công trình, gia công sửa chữa thiết bị	Quy định cụ thể trên từng giấy nhận nợ
Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam Chi nhánh An Giang	557.143.797	1502 – LAV – 201200225	Bổ sung vốn lưu động thi công công trình	Quy định cụ thể trên từng giấy nhận nợ
Cộng	46.418.715.774			

Các khoản vay ngắn hạn này được thế chấp bằng tài sản của Công ty như sau:

Thế chấp bằng tài sản theo hợp đồng thế chấp tài sản số 03/2010/HĐ ngày 04/11/2010, tài sản thế chấp theo giá trị định giá của Ngân hàng là 2.496.610.454 đồng.

Thế chấp Quyền sử dụng đất thuê tại số 90 Đinh Bộ Lĩnh, P.9, TP. Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang theo Hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất số 04/2010/HĐ ngày 04/11/2010.

Thế chấp bằng tài sản theo hợp đồng thế chấp tài sản số 03/2011/HĐ ngày 28/03/2011;

Toàn bộ số dư tài khoản tiền gửi sản xuất kinh doanh bằng đồng Việt Nam và ngoại tệ của Công ty tại Ngân hàng và tại các Tổ chức tín dụng khác;

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2012 đến ngày 31/03/2012

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Các khoản thu theo các hợp đồng kinh tế được ký kết giữa Công ty và đối tác khác mà Công ty là người thụ hưởng;

Thế chấp tài sản theo hợp đồng thế chấp tài sản số 03/2011/HĐ ngày 31/08/2011.

(b) Vay dài hạn bao gồm các khoản vay tại các Ngân hàng theo các hợp đồng sau:

Ngân hàng	Hợp đồng vay	Ngày hợp đồng	Thời hạn vay	Mục đích vay	Tài sản thế chấp	Dư nợ đến 31/03/2012
Ngân hàng Phát triển nhà DBSCL chi nhánh Tiền Giang	TD.1079/HĐTD	09/03/2011	21 tháng	Thực hiện dự án KDC Long Thạnh Hưng và Công trình đường Trương Định nối dài	Tài sản hình thành từ vốn vay	25.500.000.000
Quỹ ĐT & PT Tiền Giang	05/2010/HĐTD	09/02/2010	03 năm	Nhận chuyển nhượng đất UBND xã Gò Công	QSDĐ tại khu phố 12B, TP. Mỹ Tho	10.966.666.666
Ngân hàng ĐT & PT Tiền Giang	04/2008/HĐ	26/12/2008	05 năm	Mua 02 tàu hút bùn	TS hình thành từ vốn vay	5.412.842.090
Ngân hàng ĐT & PT Tiền Giang	03/2010/HĐ	10/12/2010	05 năm	mua 02 bộ cần xe đào bánh xích hiệu Komatsu	TS hình thành từ vốn vay	204.750.000
Ngân hàng ĐT & PT Tiền Giang	01/2010/HĐ và 01/2010/PLHĐ	04/01/2010	05 năm	mua máy đào gàu 0.9m ³ và máy ủi công suất 90HP	TS hình thành từ vốn vay	660.000.000
Ngân hàng ĐT & PT Tiền Giang	01/2009/HĐ	27/08/2009		Nhà máy bê tông	TS hình thành từ vốn vay	5.145.672.496
Ngân hàng ĐT & PT Tiền Giang	02/2009/HĐ	27/08/2009		Xe bơm cần	TS hình thành từ vốn vay	1.260.000.000
Ngân hàng ĐT & PT Tiền Giang	05/2009/HĐ	07/09/2009		Dây chuyền trạm 120m ³ /h	TS hình thành từ vốn vay	5.359.568.810

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2012 đến ngày 31/03/2012

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Ngân hàng ĐT & PT Tiền Giang	01/2010/HĐ	08/02/2010	Dây chuyền trạm Gò Công	TS hình thành từ vốn vay	2.402.496.000
Ngân hàng ĐT & PT Tiền Giang	02/2010/HĐ	28/04/2010	Dây chuyền sản xuất cọc ván	TS hình thành từ vốn vay	3.021.701.878
Tổng cộng					59.933.697.940

(c) Nợ dài hạn

Nợ thuê tài chính của Công ty cho thuê tài chính II Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam theo Hợp đồng cho thuê tài chính không hủy ngang số 050/2007/HĐTTC ngày 08/03/2007 và Phụ lục hợp đồng cho thuê tài chính số 050/2007/PL-HĐCTTC ngày 27/07/2008 về thuê phương tiện vận tải.

4.13 Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	31/03/2012	01/01/2012
	VND	VND
Thuế GTGT phải nộp	-	1.512.541.641
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.025.351.018	4.117.060.234
Thuế thu nhập cá nhân	56.346.267	238.566.270
Thuế tài nguyên	20.454.540	8.181.816
Thuế, phí và các khoản khác	348.726.514	325.726.514
Cộng	4.450.878.339	6.202.076.475

4.14 Tình hình biến động vốn chủ sở hữu

Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (sửa đổi), vốn điều lệ của Công ty tương ứng là 80.000.000.000 đồng (năm 2010: 80.000.000.000 đồng). Tại ngày 31/03/2011, vốn điều lệ đã được cổ đông góp đủ theo giấy phép.

Cổ phiếu (Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phần)

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	8.000.000	8.000.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	8.000.000	8.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2012 đến ngày 31/03/2012

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

+ Cổ phiếu phổ thông	8.000.000	8.000.000
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	8.000.000	8.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông	8.000.000	8.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2012 đến ngày 31/03/2012

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	80.000.000.000	10.700.000.000	32.018.718.930	5.391.530.776	9.164.624.526	137.274.874.232
Tăng trong năm	-	-	59.581.818	32.732.696	23.304.095.077	23.396.409.591
Giảm trong năm	-	-	-	-	13.181.887.950	13.181.887.950
Số dư cuối năm trước	80.000.000.000	10.700.000.000	32.078.300.748	5.424.263.472	19.286.831.653	147.489.395.873
Tăng vốn trong năm	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	1.530.257.252	1.530.257.252
Lợi nhuận chưa thực hiện khi hợp nhất từ các năm trước	-	-	-	-	3.366.023.007	3.366.023.007
Số dư cuối năm nay	80.000.000.000	10.700.000.000	32.078.300.748	5.424.263.472	24.183.111.912	152.385.676.132

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2012 đến ngày 31/03/2012

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

4.15 Lợi ích của cổ đông thiểu số

	31/03/2012	01/01/2012
	VND	VND
Vốn điều lệ đã góp	7.589.754.305	7.589.754.305
Quỹ đầu tư và phát triển	199.970.051	199.970.051
Quỹ dự phòng tài chính	60.450.241	60.450.241
Lợi nhuận chưa phân phối	(86.049.655)	588.163.979
Chia cổ tức	-	(403.000.000)
Cộng	7.764.124.942	8.035.338.576

4.16 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của công ty mẹ được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	Từ 01/01/2012 đến 31/03/2012	Từ 01/01/2011 đến 31/03/2011
	VND	VND
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.530.257.252	4.963.340.241
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	8.000.000	8.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	191	636

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

5.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Từ 01/01/2012 đến 31/03/2012	Từ 01/01/2011 đến 31/03/2011
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	58.421.089.860	86.142.230.666
Giảm giá hàng bán	-	759.351.291
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	58.421.089.860	85.382.879.375

5.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ 01/01/2012 đến 31/03/2012	Từ 01/01/2011 đến 31/03/2011
Lãi tiền gửi ngân hàng, lãi trái phiếu	295.034.544	609.277.793
Cổ tức	-	81.470.036

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2012 đến ngày 31/03/2012

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Doanh thu khác	-	-
Cộng	295.034.544	690.747.829
5.3 Chi phí tài chính		
	Từ 01/01/2012 đến 31/03/2012	Từ 01/01/2011 đến 31/03/2011
Chi phí lãi vay	3.044.888.151	3.782.176.235
Khác	-	-
Cộng	3.044.888.151	3.782.176.235
5.4 Chi phí bán hàng		
	Từ 01/01/2012 đến 31/03/2012	Từ 01/01/2011 đến 31/03/2011
Chi phí nhân viên bán hàng	1.033.518.133	1.163.609.854
Chi phí vật liệu bao bì	2.022.378.187	2.934.233.076
Chi phí dụng cụ bán hàng	5.146.362	10.718.480
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.434.456.995	710.483.139
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.536.072.249	976.513.085
Chi phí bằng tiền khác	1.310.381.750	1.430.199.185
Cộng	7.341.953.676	7.225.756.819
5.5 Chi phí quản lý doanh nghiệp		
	Từ 01/01/2012 đến 31/03/2012	Từ 01/01/2011 đến 31/03/2011
Chi phí lương nhân viên	2.043.651.794	3.062.874.450
Chi phí vật liệu quản lý	207.528.250	310.257.158
Chi phí đồ dùng văn phòng	209.975.958	184.286.246
Chi phí khấu hao	268.959.711	124.018.981
Thuế, phí và lệ phí	64.541.558	104.533.453
Chi phí dự phòng	-	388.492.010
Chi phí dịch vụ mua ngoài	217.872.539	234.881.953
Chi phí bằng tiền khác	1.008.970.292	748.945.005
Cộng	4.021.500.102	5.158.289.256
5.6 Thu nhập khác		

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2012 đến ngày 31/03/2012

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

	Từ 01/01/2012 đến 31/03/2012	Từ 01/01/2011 đến 31/03/2011
Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định	954.545.455	
Cho thuê mặt bằng	4.500.000	-
Thu bồi thường, phạt vi phạm	730.761.198	12.000.000
Thu nhập khác	11.277.678	4.711.636
Cộng	1.701.084.331	16.711.636

5.7 Chi phí khác

	Từ 01/01/2012 đến 31/03/2012	Từ 01/01/2011 đến 31/03/2011
Chi phí thanh lý tài sản cố định		38.554.287
Chi phí khấu hao tài sản cố định trong giai đoạn ngưng hoạt động	48.135.119	187.582.718
Xử lý công nợ		1.692
Chi phí khác	6.036.000	43.396.129
Cộng	54.171.119	269.534.826

Ngày 11 tháng 05 năm 2012

Kế toán trưởng



Nguyễn Hoàng Sơn

Tổng Giám đốc



Trần Hoàng Huân